

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 86/2022/HS-ST
Ngày 06 - 7 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Ông Tạ Duy Ước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thủy

2. Ông Trần Văn Sinh

- Thư ký pH tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia pH tòa:
Ông Đoàn Quốc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Thị L; tên gọi khác: M; sinh ngày 11/10/1988 tại C, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 1, khu 3, pH C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; có chồng là Phạm Văn T; có 04 con; tiền án, tiền sự: chưa. Bị bắt truy nã ngày 29/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Bá Y – Luật sư Văn phòng luật sư Anh Anh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị hại:

Nguyễn Thị T; sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Tổ 1, khu 6B, pH Cẩm Trung, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Lê Thị N; sinh năm: 1989; Nơi cư trú: số 111 C1, pH Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Trần Thị H; sinh năm: 1991; Nơi cư trú: khu phố 5, pH 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Lăng Thanh H; sinh năm: 1990; Nơi cư trú: tổ 2, khu 5B, pH Cẩm Trung, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Nguyễn Thị P, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: tổ 3, khu Diêm Thủy, pH Cẩm Bình, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Nguyễn Thị H; sinh năm: 1991; Nơi cư trú: tổ 5, khu Hòa Lạc, pH Cẩm Bình, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2009, Dương Thị L thường xuyên đi lại giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, nên L quen biết một đối tượng đàn ông quốc tịch Trung Quốc tên AD. Đến khoảng cuối tháng 8/2009, sau khi từ Trung Quốc về nhà ở pH Cẩm Trung, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Quảng Ninh, AD liên lạc với L nhờ tìm phụ nữ ở Việt Nam đưa sang Trung Quốc cho AD để làm gái bán dâm, mọi chi phí sẽ do AD chi trả. L đồng ý và liên lạc với chị họ là Nguyễn Thị T (sinh năm 1989, trú tại: pH Cẩm Trung, C) để nhờ tìm gái mại dâm để đưa sang Trung Quốc, nhưng không được, L thông báo lại cho AD nói không tìm được gái mại dâm. AD bảo L tìm gái sang làm gái nhảy cho AD cũng được và AD sẽ trả cho L một khoản tiền.

Đến khoảng 19 giờ ngày 29/8/2009, L hẹn chị T ra khu vực Bến Do, C uống nước và tại đây L nói dối chị T về việc ở bên Trung Quốc, L có người bạn nam giới từ Ma Cao về Trung Quốc không có bạn để đi chơi sàn và bảo chị T có bạn thì rủ sang Trung Quốc cùng đi chơi với người này, mọi chi phí người này sẽ chi trả. Tin tưởng L là em họ, sẽ không lừa gạt mình nên chị T đồng ý và gọi điện thoại cho bạn là chị Lăng Thanh H (sinh năm 1990, trú tại: pH Quang Hanh, C) nói lại nội dung và rủ chị H đi Trung Quốc chơi. Sau đó, chị T và L đi xe taxi đến nhà nghỉ Linh Chi tại huyện Vân Đồn gặp chị H và có gặp thêm bạn của chị H là chị Trần Thị H (sinh năm 1991, trú tại: thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị). L và chị Thuý tiếp tục rủ chị H cùng chị H đi Trung Quốc chơi, cả hai đồng ý. Chị T tiếp tục liên lạc với bạn là chị Nguyễn Thị P (sinh năm 1990, trú tại: pH Cẩm Bình, C) cũng đề rủ đi Trung Quốc chơi, chị P đồng ý và đồng thời lúc này chị P đang ở cùng hai người bạn là chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1991, trú tại: xã Tràng An, huyện Đông Triều) và chị Lê Thị N (sinh năm 1990, trú tại: pH Cẩm Bình, C). Chị P cũng rủ chị H và N sang Trung Quốc chơi như lời chị T nói, chị H và N đồng ý.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/8/2009, các chị P, H, N, T, H, H và L gặp nhau ở huyện Vân Đồn, cả nhóm góp tiền thuê xe taxi đi Móng Cái. Khi đến Móng Cái, L liên lạc với một người đàn ông Việt Nam, khoảng 40-50 tuổi (không rõ lai lịch) đón

và đưa cả nhóm vào một nhà trọ. Khoảng 30 phút sau, người này tiếp tục dẫn cả nhóm ra khu vực biên giới Việt - Trung để lên đò vượt biên trái phép sang Trung Quốc, L trả cho người lái đò 1.300.000 đồng và 300 nhân dân tệ, trước khi lên đò, L dặn mọi người, nếu ai hỏi thì nói tự nguyện đi, không bị ai ép buộc gì. Khi sang tới Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc có hai người xe ôm đến đón, đưa cả nhóm về một khách sạn. Tại đây, người đàn ông Trung Quốc tên AD là bạn của L đến, mua cơm cho cả nhóm ăn. Cùng ngày, AD mua vé xe khách đưa tất cả từ Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây đi tỉnh Quảng Châu đến khoảng 05 giờ ngày 31/8/2009 thì đến nơi, AD gọi hai xe taxi đưa 07 người và AD vào một khách sạn nghỉ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, L dẫn cả nhóm ra chợ mua sắm quần áo. Tại đây do đã hẹn trước nên L gặp vợ chồng H, là chị họ của L sống tại Trung Quốc.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 31/8/2009, L, AD dẫn nhóm chị Thuý vào một quán Bar chơi, vợ chồng H cũng đến. Khoảng 01 tiếng sau, khi AD đi ra ngoài, L nói với chị Thuý “tH này nó có ý định bán chị em mình đây” và bảo khi nào L ra hiệu thì lần lượt đi ra ngoài, đến một sân nhảy khác chơi. Cả nhóm thực hiện theo L và cùng vợ chồng H lên một xe ô tô do H bố trí, đi đến một sân nhảy khác gần đó chơi. Khoảng 01 tiếng sau, L và vợ chồng H dẫn nhóm chị Thuý đến một quán ăn đêm. Khi đang ngồi ăn thì L và H đứng dậy đi ra ngoài nghe điện thoại, ngay sau đó AD đi xe ô tô 12 chỗ dẫn theo một nhóm thanh niên khoảng 7 - 8 người đến quán đuổi bắt được chị H và N, số còn lại bỏ chạy thoát. Chị P chạy vào một nhà người dân rồi được đưa đến Công an Trung Quốc trình báo và được trở về Việt Nam ngay ngày hôm sau. Còn chị T, H và H chạy nấp vào một nhà dân, sau khi nhóm AD bỏ đi thì gặp H quay lại, H đưa cả nhóm đến một khách sạn rồi H gọi L đến, nhóm chị Thuý yêu cầu L và H đưa đến trụ sở Công an để trình báo. Sau khi trình báo, Công an Trung Quốc đã đưa nhóm chị T đến một khách sạn để ở, tuy nhiên L nói nhóm chị T không được ở tại khách sạn này và phải theo L về nhà vợ chồng H, nếu không đi Công an Trung Quốc sẽ bắt nhốt và ra đường AD bắt được sẽ giết. Vì sợ nên các chị T, H và H đã bỏ đi theo L đến một phòng trọ do H thuê. Tại đây, L và H yêu cầu nhóm chị T phải đi bán dâm kiếm tiền chuộc những người bị AD bắt và trả tiền AD đã bỏ ra cho L đưa nhóm chị Thuý sang, nhưng nhóm chị Thuý không đồng ý. Chị Thuý mượn điện thoại của H gọi cho chị P thì biết sau khi bỏ chạy, chị P trình báo Công an Trung Quốc và được đưa về Việt Nam. Sau khi biết được thông tin này, chị T đã bảo H chỉ dẫn đến Công an để trình báo, khi về Việt Nam nhóm chị T sẽ trả tiền cho H. Sau đó, nhóm T tự đón xe ôm đến Công an Trung Quốc trình báo về việc bị bán sang Trung Quốc và đã được Công an Trung Quốc đưa về Việt Nam vào ngày 07/9/2009.

H và N sau khi bị bắt, nhóm AD đưa cả hai người đến một vùng nông thôn, nhốt vào bên trong một căn nhà mái bằng. Trên đường đi, AD đón một người phụ nữ tên AD (tên phiên âm tiếng Việt là Yến) lên xe để làm pH dịch. AD nói với

chị H và N là “Chúng mày ngu lắm, bị cái L lừa sang đây bán cho AD mà không biết”. H hỏi bị bán giá bao nhiêu thì AD nói “L bán giá một vạn tệ mỗi người”. Ngoài ra, AD còn nói AD mất công mất tiền đưa tất cả nhóm chị H sang đây, thì tất cả phải làm gái mại dâm cho AD, nhưng do L không đồng ý mà chỉ cho AD bắt H, N, P còn T, H, H thì phải làm gái mại dâm cho L và H, vì vậy hai bên mới nảy sinh mâu thuẫn.

Đến sáng ngày 3/9/2009, H và N tìm cách thoát ra ngoài, nhưng chỉ có H trốn thoát tự tìm đường trở về Việt Nam, còn N bị AD bắt lại được. N bị đánh đập, ép buộc phải đi làm gái mại dâm khoảng hơn một tháng. Sau đó lợi dụng AD sơ hở, N bỏ trốn và đến một Đồn Công an gần đó trình báo, sau đó chị N được Công an Trung Quốc gửi xe về đến biên giới Trung Quốc - Việt Nam và tự về Việt Nam. Sau khi về được Việt Nam các chị Thuý, N, H, P, H và H đến Cơ quan Công an Việt Nam trình báo về việc bị L lừa bán sang Trung Quốc.

Ngày 29/7/2021, Dương Thị L bị bắt theo Quyết định truy nã. Quá trình điều tra, ban đầu L chỉ thừa nhận việc có rủ và đưa các chị T, H, H, P, H và N sang Trung Quốc để đi chơi sà theo lời mời, hướng dẫn của AD, sau đó bị nhóm AD lừa, bắt ở lại Trung Quốc để bán dâm. Sau đó, L thừa nhận AD có gọi điện thoại cho L nhờ tìm gái mại dâm ở Việt Nam, dẫn sang Trung Quốc cho AD để làm gái mại dâm, mọi chi phí AD sẽ chi trả. L có gọi điện cho chị T hỏi nhưng chị T trả lời không biết. L gọi lại cho AD nói không tìm được thì AD bảo L tìm gái sang phục vụ tại sà nhảy, AD sẽ cho L một khoản tiền. L đồng ý và sau đó đã gọi điện cho chị T bảo chị Thuý rủ bạn sang Trung Quốc đi chơi sà, không nói cho chị T và nhóm bạn của chị T biết rõ mục đích đưa sang Trung Quốc theo như ý định của AD, vì sợ nếu nói rõ mục đích thì nhóm chị T sẽ không đồng ý đi. Đến ngày 18/11/2021, bị cáo L thay đổi lời khai “AD chỉ nhờ bị cáo tìm gái Việt Nam đưa sang Trung Quốc đi chơi ở sà với bạn của AD từ bên Macao về”.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSQN-P2 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố Dương Thị L về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại pH tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung trên và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo.

Các bị hại - chị Nguyễn Thị T, Lê Thị N, Trần Thị H, Lăng Thanh H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị hại N có yêu cầu bị cáo bồi tH thiệt hại số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Các bị hại T, H, H, P, H không yêu cầu bị cáo bồi thường, ngoài ra bị hại T đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thực hành quyền công tố tại pH tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Dương Thị L từ 07 đến 08 tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/7/2021.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Hành vi của bị cáo diễn ra từ năm 2009, bị cáo là người không biết chữ, ngay từ lời khai ban đầu bị cáo không lừa gạt các bị hại, không có hành vi chuyển giao người và chưa nhận được tiền mà A.D hứa cho bị cáo. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo là không đúng tội.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình phạm tội mua bán người và không bị oan sai. Nay chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình vì gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị báo sức khỏe yếu, bị cáo có nhiều con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại pH tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Các bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên toà được xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong giai đoạn điều tra ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó bị cáo khai nhận hành vi lừa các bị hại để đưa sang Trung Quốc cho đối tượng là A.D để A.D trả tiền cho bị cáo. Sau đó Bị cáo lại thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại pH toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội mua bán người đối với chị Nguyễn Thị T, Lê Thị N, Trần Thị H, Lãng Thanh H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H cho A.D đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo. Lời khai tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra:

Ngày 07/8/2021 bị cáo khai nhận “...A.D có gọi điện cho tôi nhờ tôi tìm gái bán dâm ở Việt Nam mang sang Trung Quốc để bán dâm, khi A.D nhờ tôi đã gọi điện hỏi chị Thuý để hỏi có biết gái bán dâm nào muốn sang Trung Quốc bán dâm không thì Thuý bảo không có. Tôi gọi điện cho A.D thông báo lại không tìm được thì A.D bảo tôi tìm vài người con gái Việt Nam. Sang Trung Quốc để tiếp khách, uống rượu trong sàn nhảy cho A.D và A.D hứa sẽ cho tôi một khoản tiền nếu tôi tìm được”; và nội dung “...tôi rủ chị Thuý sang Trung Quốc chơi với bạn tôi ở Ma Cao về và mọi chi phí bạn của tôi bên Trung Quốc sẽ lo hết, chị Thuý đồng ý tôi bảo chị Thuý có bạn thì rủ thêm bạn chị Thuý sang Trung Quốc cùng tôi...”; “Tôi không nói với nhóm chị Thuý là sang Trung Quốc uống rượu tiếp khách (Làm gái nhảy) cho A.D như A.D đã nói với tôi vì tôi sợ nếu tôi nói như vậy thì nhóm chị Thuý sẽ sợ không dám sang Trung Quốc”.

“Đến Quảng Châu.....A.D đã đưa chúng tôi đến một nhà nghỉ. Thì A.D có dẫn một người phụ nữ và một người đàn ông lạ mặt lên nhìn mặt chúng tôi. Không nói gì rồi đi luôn”.

Tại lời khai ngày 02/11/2021 bị cáo khai: “A.D có hứa sẽ cho tiền tôi khi đưa được người sang Trung Quốc nhưng không nói cụ thể bao nhiêu”.

Nội dung lời khai của bị cáo về việc bị cáo rủ các bị hại sang Trung Quốc và quá trình các bị hại bị AD bắt giữ đều phù hợp với lời khai của các bị hại Nguyễn Thị Thuý, Lãng Thanh H, Trần Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H, Lê Thị N. Nội dung lời khai về việc bị cáo đưa các Bị hại sang Trung Quốc cho A.D để nhận một khoản tiền cũng phù hợp với lời khai của Bị hại H “tới 5 giờ sáng ngày 03/9/2009 A.D khoá cửa phòng lại và bắt chúng tôi đi ngủ. Trong lúc chưa ngủ có một người phụ nữ Trung Quốc biết nói tiếng Việt nói “chúng mày ngu lên bị cái Trang lừa bán sang đây mà không biết”, Bị hại N “5 giờ sáng ngày 03/9/2009...trong lúc tôi và chị H đi ngủ. Trong lúc chưa ngủ tôi có nghe thấy một người phụ nữ Trung Quốc nhưng biết tiếng Việt có nói là chúng mày ngu lắm bị cái Trang lừa bán sang mà không biết”.

Như vậy, căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại trong giai đoạn điều tra và lời khai của bị cáo tại pH toà đủ cơ sở xác định:

Từ khoảng cuối tháng 8/2009 đến ngày 30/8/2009, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Dương Thị L đã lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của các chị Nguyễn Thị Thuý, Lãng Thanh H, Trần Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H và Lê Thị N đều là những phụ nữ ham chơi, thiếu hiểu biết nhận thức chưa đầy đủ dễ bị dụ dỗ, lừa gạt. Dương Thị L đã liên hệ, móc nối với A.D (người Trung Quốc) để dụ dỗ, lừa gạt các chị này đưa sang Trung Quốc bán nhằm được trả một khoản tiền.

Hành vi của bị cáo Dương Thị L nêu trên đã cấu thành tội “*Mua bán người*” Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo có hành vi mua bán đối với nhiều người và đưa ra nước ngoài nên đủ yếu tố cấu thành tăng nặng định khung “*đối với nhiều người*” và “*để đưa ra nước ngoài*” quy định tại điểm e, đ khoản 2, Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

1. *Người nào mua bán người thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:*

đ) *Để đưa ra nước ngoài;*

e) *Đối với nhiều người;...*

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện từ năm 2009 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành và khi điều tra truy tố, xét xử vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 đang có hiệu pháp luật và có quy định mức hình phạt không có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 truy tố với bị cáo theo Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với pháp luật.

Do vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố và buộc tội bị cáo theo điểm e, đ khoản 2, Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi chuyển giao người và chưa được thanh toán tiền từ đối tượng A.D nên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ và không phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại nên không được chấp nhận.

[3] Về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được mức độ nguy hiểm của hành vi nhưng do hám lời, vẫn cố ý thực hiện việc đưa nhiều người ra khỏi biên giới chuyển giao cho người khác để hưởng tiền công. Hành vi mua phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và quyền tự do của con người. Trong giai đoạn trước đây cũng như hiện nay, hành vi mua bán người để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây mất ổn định trật tự về an ninh tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử bị cáo nghiêm khắc với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới đảm bảo ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

[4] Về Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Nguyễn Thị Thuý, Lãng Thanh H, Trần Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại Lê Thị N có yêu cầu bị cáo bồi tH tổn thất về tinh thần số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý bồi tH cho chị N số tiền 50.000.000đ, đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của bị cáo nên được chấp nhận.

[7] Các tình tiết khác: Về đối tượng A.Dũng là người thuê L tìm người đưa sang Trung Quốc làm gái mại dâm, nhưng quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[8] Về Án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Dương Thị L (Tên gọi khác: M) phạm tội “*Mua bán người*”

Áp dụng: điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Dương Thị L 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 29/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi tH cho chị Lê Thị N 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực và được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Dương Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2022). Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Tạ Duy Ước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA

Tạ Duy Ước